

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 7 – 2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thanh Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị Mỹ D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 239, đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 9, đường 02, Lô B1, Khu dân cư L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2024, Đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử ngày 07 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ D trình bày:

Bà Quách Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 25/9/2003. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Ông bà sinh được 01 (một) người con chung tên Nguyễn Nhã P, sinh ngày 29/12/2003. Ông bà chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến năm

2024, nguyên do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo đơn khởi kiện, bà Quách Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.
- Về con chung: Con chung Nguyễn Nhã P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án ông Nguyễn Thanh H cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Quách Thị Mỹ D, ông Nguyễn Thanh H và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ D:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn vào năm 1998 và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/9/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Quách Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Quách Thị Mỹ D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Quách Thị Mỹ D cho rằng: Năm 2014, ông bà phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến năm 2024, nguyên do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét lời trình bày của bà Quách Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S đã thông báo hợp lệ cho ông Nguyễn Thanh H biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ D cung cấp. Ông Nguyễn Thanh H không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của bà Quách Thị Mỹ D là đúng sự thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Thanh H không đến tham gia và bà Quách Thị Mỹ D vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Quách Thị Mỹ D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Quách Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Thanh H và bà Quách Thị Mỹ D sinh được 01 (một) người con chung là Nguyễn Nhã P (nam, sinh ngày 29/12/2003). Do con chung Nguyễn Nhã P đã thành niên, bà Quách Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Quách Thị Mỹ D xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Quách Thị Mỹ D xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Quách Thị Mỹ D phải chịu tiền

án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh H được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Quách Thị Mỹ D sinh được 01 (một) người con chung tên Nguyễn Nhã P (nam, sinh ngày 29/12/2003). Do con chung Nguyễn Nhã P đã thành niên, bà Quách Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Quách Thị Mỹ D xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Quách Thị Mỹ D xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Quách Thị Mỹ D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001611 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Quách Thị Mỹ D đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Quách Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng